

Bản án số: 223/2023/DSPT

Ngày 08/12/2023

*V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu tháo dỡ vật kiến trúc trên đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán:

Bà Sơn Nữ Phà Ca

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2023/TLPT - DS, ngày 23/10/2023
về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ vật kiến trúc trên
đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 23 tháng 08 năm 2023
của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2023/QĐPT-DS
ngày 26 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số H, đường L, Phường C, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bà Tranh Thị P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1941 (chết ngày 08/02/2022).

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trần Thị N:*

1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1940.

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số H, đường L, Phường C, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Ông Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số A, đường V, Khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S là ông Huỳnh Duy K, sinh năm 1992 (có mặt).*

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (ủy quyền ngày 26/3/2022 và ngày 09/6/2022).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1967 (có mặt).

2. Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo : Ông Trần Văn H là nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2021, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Ông Trần Văn H là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 669, diện tích 88.3m² và thửa 670, diện tích 55.3m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc được Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long công nhận theo bản án số 03/2020/DS-ST ngày 29/4/2020. Thửa đất 669, 670 có vị trí giáp ranh với thửa đất số 671 của bà Trần Thị N có nguồn gốc được Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long công nhận theo bản án số 03/2020/DS-ST ngày 29/4/2020, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Tranh Thị P (con trai và

dâu của bà N) đã xây dựng căn nhà tường kiên cố trên thửa đất 671 có các bức tường nhà lấn qua thửa đất số 669 và thửa số 670 của ông H. Khi ông Đ và bà P xây dựng nhà ông H có ngăn cản nhưng không được. Bà Trần Thị N (chết ngày 08/02/2022), những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị N gồm có: Ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S.

Ông H yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S phải tháo dỡ, di dời bức tường nhà trả lại ông H phần đất theo đo đạc thực tế tại tách thửa 669 diện tích 19,3m² và tách thửa 670 diện tích 5,9m², ông H không đồng ý bồi thường giá trị bức tường trên đất.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S trình bày: Bà Trần Thị N (chết ngày 08/02/2022) là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 671, diện tích 144,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do bà Trần Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc bà N được Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long công nhận theo bản án số 03/2020/DS-ST ngày 29/4/2020, đất do vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Tranh Thị P quản lý sử dụng. Thửa đất 671 giáp ranh với thửa đất 669, 670 của ông H. Ông Đ và bà P đã xây dựng căn nhà tường kiên cố cột bê tông cốt thép trên thửa 671, lúc ông Đ và bà P xây dựng không biết lấn qua thửa đất 669 và 670 của ông H. Nay ông Đ, bà P ông H1, ông Á, ông S thừa nhận có xây dựng nhà lấn chiếm qua thửa đất của ông H tại tách thửa 669-2 diện tích 19,3m² và tách thửa 670-2 diện tích 5,9m² nên đồng ý trả giá trị đất cho ông H là 1.200.000 đồng/m², không đồng ý tháo dỡ bức tường nhà vì ảnh hưởng đến kết cấu của toàn bộ căn nhà.

Tại bản khai ý kiến ngày 22/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị S1 trình bày: Bà S1 thống nhất yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của ông Trần Văn H.

Tại bản khai ý kiến ngày 22/02/2022 chị Trần Thị Mỹ L trình bày: Chị L thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của ông Trần Văn H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 23 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158, 165, 166, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158, 159, 163, 164, 166, 175,

176, 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trần Thị N gồm ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên đới hoàn trả giá trị đất cho nguyên đơn ông Trần Văn H số tiền là 30.240.000 đồng (ba mươi triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Công nhận cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trần Thị N gồm ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích là 19,3m² (tách 669-2) (gồm các mốc 10, 11, 12, 15, 16, 10) thuộc thửa đất số 669, tờ bản đồ số 10, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm và diện tích 5,9m² (tách 670-2) (gồm các mốc 4, 6, 8, 7, 9, 10, 16, 17, 4) thuộc thửa đất số 670, tờ bản đồ số 10, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, cùng tọa lạc ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 02/4/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/08/2023 ông H kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn tháo dỡ vật kiến trúc di dời trả ông H phần đất diện tích 19,3m² thuộc tách thửa 669-2 và diện tích 5,9m² thuộc tách thửa 670-2, trường hợp Tòa án xử hoàn trả giá trị đất là 6.000.000đ/m².

Tại phiên tòa phúc thẩm; ông Trần Văn H và anh Huỳnh Duy K đại diện cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S được quyền sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 19,3m² thuộc tách thửa 669-2 và diện tích 5,9m² thuộc tách thửa 670-2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên đới trả giá trị phần đất diện tích 19,3m² thuộc tách thửa 669-2 và diện tích 5,9m² thuộc tách thửa 670-2 cho ông Trần Văn H số tiền là 50.400.000 đồng (năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Chi phí định giá cấp phúc thẩm là 3.000.000đ, ông H tự nguyện nộp 1.500.000đ; ông Đ, bà P, ông H1, ông Á, ông S tự nguyện nộp 1.500.000đ.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S được quyền sử dụng hợp pháp phần đất diện tích là 19,3m² thuộc tách thửa 669-2 và diện tích 5,9m² thuộc tách thửa 670-2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên đới trả giá trị đất cho ông Trần Văn H số tiền là 50.400.000 đồng (năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Chi phí định giá cấp phúc thẩm là 3.000.000đ, nguyên đơn và bị đơn mỗi bên tự nguyện nộp 1.500.000đ. Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp 2.520.000đ; Án phí phúc thẩm: do ông H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] *Về tố tụng*: Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của ông H còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn H và anh Huỳnh Duy K đại diện cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S được quyền sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 19,3m² thuộc tách thửa 669-2 và diện tích 5,9m² thuộc tách thửa 670-2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên đới trả giá trị phần đất diện tích 19,3m² thuộc tách thửa 669-2 và diện tích 5,9m² thuộc tách thửa 670-2 cho ông Trần Văn H số tiền là 50.400.000 đồng (năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Về chi phí định giá cấp phúc thẩm là 3.000.000đ, ông H tự nguyện nộp 1.500.000đ được khấu trừ vào số tiền ông H nộp tạm ứng 3.000.000đ; ông Đ, bà P, ông H1, ông Á, ông S tự nguyện nộp 1.500.000đ để hoàn trả lại ông H nhận. Xét sự thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác nên Hội đồng xét xử thống nhất công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông H thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S phải nộp án phí sơ thẩm là 50.400.000 đồng x 5% = 2.520.000đ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S phải chịu trách nhiệm liên đới nộp số tiền là 6.689.000 đồng (sáu triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng) để hoàn trả lại ông Trần Văn H nhận không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Sửa bản án sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 23 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

1. Sự thoả thuận của ông Trần Văn H và anh Huỳnh Duy K đại diện cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S cụ thể như sau:

1.1. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S được quyền sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích là 19,3m² thuộc tách thửa 669-2 và diện tích 5,9m² thuộc tách thửa 670-2, cùng tờ bản đồ số 10, cùng loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Phần đất diện tích 19,3m² có vị trí gồm các mốc 10, 11, 12, 15, 16, 10 và phần đất diện tích 5,9m² có vị trí gồm các mốc 4, 6, 8, 7, 9, 10, 16, 17, 4 theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 11/11/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M (kèm theo bản án).

1.2. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên đới trả giá trị phần đất diện tích 19,3m² thuộc tách thửa 669-2 và diện tích 5,9m² thuộc tách thửa 670-2 cho ông Trần Văn H số tiền là 50.400.000 đồng (năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S phải liên đới nộp án phí sơ thẩm là 2.520.000đ (hai triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

- Ông Trần Văn H không phải nộp án phí phúc thẩm.

3. Về chi phí định giá tài sản cấp phúc thẩm:

- Ông Trần Văn H phải nộp số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền ông H nộp tạm ứng. Ông H đã nộp xong.

- Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S phải liên đới nộp số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại ông Trần Văn H nhận.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Tranh Thị P, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Ngọc Á, ông Nguyễn Thanh S phải chịu trách nhiệm liên đới nộp số tiền là 6.689.000 đồng (sáu triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng) để hoàn trả lại ông Trần Văn H nhận không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Mang Thít;
- Chi Cục THADS huyện Mang Thít;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung

